

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2025

V/v “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Trọng Hiếu
- Ông Nguyễn Văn Út.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 716/2024/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh B (có đơn xin vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hoàng S, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: số 87, ấp 1, xã L, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/11/2024, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh Nguyễn Hoàng S cưới nhau vào năm 2015, hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/8/2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 104/2015 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận B, thành phố Hồ

Chí Minh. Trong thời gian vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên xảy ra cãi vã. Chị T và anh S nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không kết quả, cuộc sống chung không còn hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 20/02/2016 và Nguyễn Ngọc Khánh T, sinh ngày 17/9/2020, hiện cả hai con đều đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con.

Về chia tài sản: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng S đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh S biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật nhưng anh S vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ việc; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị giải quyết theo hướng: chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc T, cụ thể:

Về hôn nhân: chị T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S.

Về con chung: giao 02 cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 20/02/2016 và Nguyễn Ngọc Khánh T sinh ngày 17/09/2020 cho chị T nuôi dưỡng. Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: không có nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Hoàng S có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 104/2015, ngày 03/8/2015 nên hôn nhân là hợp pháp.

[1.2] Anh Nguyễn Hoàng S là bị đơn, hiện nay đang cư trú tại ấp 1, xã Long Khê, huyện C nên khi chị T có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Hoàng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp: Chị T và anh S cưới nhau vào năm 2015, sau một thời gian chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Dù đây chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong đời sống vợ chồng nhưng cả chị T và anh S đều không tìm được biện pháp để khắc phục dẫn đến vợ chồng ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Anh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn không đến tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa từ đó cho thấy anh S cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với chị T. Do đó, có đủ căn cứ để chứng minh mâu thuẫn giữa chị T và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S.

[3] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: giữa chị T và anh S có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 20/02/2016 và Nguyễn Ngọc Khánh T, sinh ngày 17/9/2020 đang sống với chị T từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Xét thấy hiện tại 02 con chung đang sống với chị T đã ổn định, nguyện vọng của con cũng muốn sống với chị T, do đó chị T yêu cầu được tiếp tục trực

tiếp nuôi 02 nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị T. Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, việc thăm nom chăm sóc con được thực hiện theo điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: chị T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản và nợ chung không có, anh S không có ý kiến phản hồi nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng S.

Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S.

Về nuôi con chung: chị Nguyễn Thị Ngọc T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 20/02/2016 và Nguyễn Ngọc Khánh T, sinh ngày 17/9/2020, anh Nguyễn Hoàng S không phải cấp dưỡng 02 nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến

việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí: chị Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012924 ngày 19/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND phường T, quận B,
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trang